

(Đề thi có 4 trang)

Mã đề thi: 423

- Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết sông nào sau đây thuộc đồng bằng sông Cửu Long?
A. Sông Đồng Nai. B. Sông Sài Gòn. C. Sông Vàm Cỏ Tây. D. Sông Bé.
- Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào sau đây thuộc Tây Nguyên có ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng?
A. Kon Tum. B. Đắk Lắk. C. Gia Lai. D. Lâm Đồng.
- Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?
A. Hạ Long. B. Lạng Sơn. C. Cao Bằng. D. Hà Giang.
- Câu 44:** Phát biểu nào sau đây đúng với vùng đồng bằng ven biển của nước ta?
A. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt. B. Hẹp ngang, nhiều đồng bằng nhỏ.
C. Chủ yếu là đất phèn, đất mặn. D. Hoàn toàn do phù sa sông bồi tụ.
- Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?
A. Gia Lai. B. Hà Giang. C. Cà Mau. D. Điện Biên.
- Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Hồng đổ ra biển ở cửa nào sau đây?
A. Văn Úc. B. Cấm. C. Ba Lạt. D. Thái Bình.
- Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết các trung tâm du lịch nào sau đây là trung tâm du lịch quốc gia?
A. Hải Phòng, Đà Nẵng. B. Đà Nẵng, Huế. C. Hạ Long, Huế. D. Nha Trang, Cần Thơ.
- Câu 48:** Gió mùa mùa hạ của nước ta có đặc điểm nào sau đây?
A. Tạo nên mùa khô ở Nam Bộ. B. Thời tiết lạnh, ít mưa.
C. Xuất phát từ áp cao Xibia. D. Thổi theo hướng Tây Nam.
- Câu 49:** Phân bố dân cư nước ta có đặc điểm nào sau đây?
A. Phần lớn dân cư ở thành thị. B. Dân cư tập trung ở đồng bằng.
C. Mật độ dân số ở miền núi rất cao. D. Tỷ trọng dân nông thôn tăng.
- Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết cửa khẩu Tây Trang thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Điện Biên. B. Lai Châu. C. Hà Giang. D. Yên Bái.
- Câu 51:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích cây công nghiệp lâu năm nhỏ hơn diện tích cây công nghiệp hàng năm?
A. Lâm Đồng. B. Đắk Lắk. C. Đắk Nông. D. Nghệ An.
- Câu 52:** Nước ta đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước lợ do có điều kiện thuận lợi nào sau đây?
A. Các phương tiện tàu thuyền rất hiện đại. B. Có nhiều ao hồ, sông ngòi, kênh rạch.
C. Người dân có nhiều kinh nghiệm đi biển. D. Có nhiều đầm phá, bãi triều, rừng ngập mặn.
- Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?
A. Trường Sơn Bắc. B. Bắc Sơn. C. Hoàng Liên Sơn. D. Pu Đen Đinh.
- Câu 54:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng Đồng Hới thuộc vùng khí hậu nào sau đây?
A. Nam Trung Bộ. B. Nam Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Tây Nguyên.
- Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Nghệ An. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.
- Câu 56:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào dưới đây có quy mô dân số trên 1 triệu người?
A. Việt Trì. B. Hải Phòng. C. Tuy Hòa. D. Vĩnh Long.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về ảnh hưởng tích cực của quá trình đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta?

- A. Tác động mạnh tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
 B. Gây ra ô nhiễm môi trường.
 C. Thiếu việc làm ở thành phố.
 D. Nông thôn mất đi một phần lớn nhân lực.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ.
 B. Tây Nguyên.
 C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
 D. Đông Nam Bộ.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành lương thực thuộc trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi.
 B. Nha Trang.
 C. Thanh Hoá.
 D. Quy Nhơn.

Câu 60: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở MỘT SỐ VÙNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2018

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	999,7	6 085,5
Trung du và miền núi Bắc Bộ	631,2	3 590,6
Đông Nam Bộ	270,5	1 423,0
Đồng bằng sông Cửu Long	4 107,4	24 441,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh năng suất lúa của các vùng ở nước ta năm 2018?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long thấp hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.
 B. Đông Nam Bộ cao hơn đồng bằng sông Cửu Long.
 C. Trung du và miền núi Bắc Bộ thấp hơn Đông Nam Bộ.
 D. Đồng bằng sông Hồng cao hơn đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 61: Để phòng chống hạn hán lâu dài cần áp dụng giải pháp chủ yếu nào sau đây?

- A. Đào hồ vẫy cá, trồng cây theo băng, áp dụng hệ thống tưới nước nhỏ giọt.
 B. Xây dựng các công trình thủy lợi, trồng rừng, bảo vệ rừng, canh tác hợp lí.
 C. Phát triển sản xuất thủy điện, làm ruộng bậc thang, bảo tồn rừng đầu nguồn.
 D. Ngăn thủy triều xâm nhập sâu, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tiết kiệm nước.

Câu 62: Việc mở rộng các thành phần kinh tế tham gia sản xuất công nghiệp ở nước ta nhằm mục đích nào sau đây là chủ yếu?

- A. Phát huy mọi tiềm năng cho sản xuất.
 B. Giải quyết nhiều việc làm cho lao động.
 C. Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài.
 D. Đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

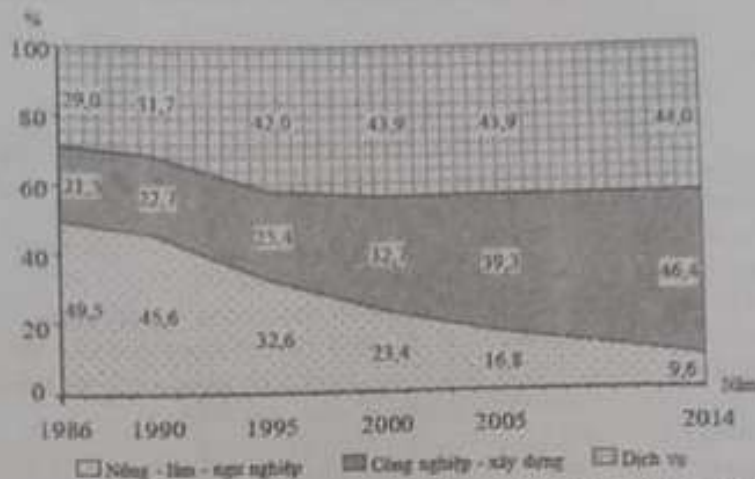
Câu 63: Các đồng bằng châu thổ sông của nước ta được hình thành do tác động chủ yếu của những yếu tố nào sau đây?

- A. Các vận động nội lực, các quá trình ngoại lực.
 B. Bồi đắp phù sa sông, lắng đọng phù sa từ biển.
 C. Các hoạt động sản xuất của con người từ lâu đời.
 D. Quá trình phong hóa, xâm thực mạnh từ đồi núi.

Câu 64: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm giảm tỉ lệ lao động trong khu vực nông - lâm - ngư nghiệp ở nước ta?

- A. Công nghiệp hóa và cách mạng khoa học kỹ thuật.
 B. Quá trình đô thị hóa và công cuộc hội nhập quốc tế.
 C. Công cuộc hội nhập quốc tế và hiện đại hóa đất nước.
 D. Cách mạng khoa học kỹ thuật và quá trình đô thị hóa.

Câu 65: Cho biểu đồ:



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU GDP THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, GIAI ĐOẠN 1986 - 2014

(Nguồn: Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng các khu vực kinh tế trong cơ cấu GDP của Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1986 - 2014?

- A. Dịch vụ tăng liên tục, nông - lâm - ngư nghiệp giảm.
- B. Nông - lâm - ngư nghiệp giảm, công nghiệp - xây dựng tăng.
- C. Công nghiệp - xây dựng giảm liên tục, dịch vụ tăng.
- D. Dịch vụ luôn lớn hơn công nghiệp - xây dựng.

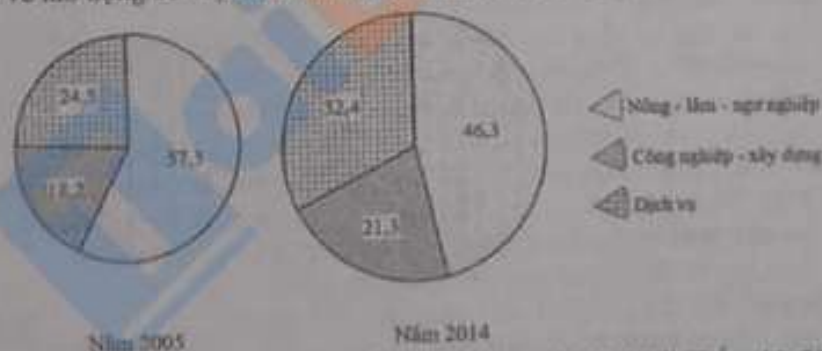
Câu 66: Tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến có xu hướng tăng do nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu?

- A. Hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với thực tế đất nước và hội nhập.
- B. Cơ sở hạ tầng đồng bộ và thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư.
- C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và cơ sở vật chất kĩ thuật tiên tiến.
- D. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú, nguồn lao động dồi dào.

Câu 67: Chăn nuôi lợn và gia cầm ở nước ta nhằm mục đích nào sau đây là chủ yếu?

- A. Cung cấp thực phẩm cho dân số đông.
- B. Tạo các nguồn hàng xuất khẩu chủ lực.
- C. Cung cấp phân bón hữu cơ cho trồng trọt.
- D. Làm nguyên liệu cho sản xuất dược phẩm.

Câu 68: Cho biểu đồ về lao động có việc làm của nước ta năm 2005 và 2014:



(Nguồn: Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu lao động có việc làm phân theo các khu vực kinh tế nước ta.
- B. Tốc độ tăng trưởng nguồn lao động có việc làm trong các khu vực kinh tế nước ta.
- C. Số lượng lao động có việc làm trong các khu vực kinh tế nước ta.
- D. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế nước ta.

Câu 69: Sản lượng than ở nước ta tăng lên do nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu?

- A. Thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp.
- B. Nâng cao trình độ tay nghề của người lao động.
- C. Hiện đại hóa trang thiết bị, mở rộng thị trường.
- D. Liên doanh nước ngoài, cải tạo các nhà máy điện.

Câu 70: Cho bảng số liệu:
MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016
 (Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2010	2013	2014	2016
Hạt tiêu	421,5	889,8	1201,9	1428,6
Cà phê	1851,4	2717,3	3557,4	3334,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu hạt tiêu và cà phê của nước ta, giai đoạn 2010 - 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Tròn. C. Đường. D. Miền.
- Câu 71: Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lý nước ta?
 A. Ở giữa vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương. B. Nằm trong vùng ngoại chí tuyến của bán cầu Bắc.
 C. Thuộc khu vực gió mùa điển hình nhất thế giới. D. Nằm ở chính trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- Câu 72: Phần lãnh thổ phía Nam của nước ta có nền nhiệt, ẩm cao do những nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?
 A. Thời gian chiếu sáng dài, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương, bão biển.
 B. Vị trí gần xích đạo, lượng bức xạ lớn, gió hướng tây nam, dải hội tụ.
 C. Vị trí nội chí tuyến, gió phơn Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc, bão.
 D. Gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, Mặt trời lên thiên đỉnh, frông.
- Câu 73: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu gây mưa lớn cho Nam Bộ nước ta vào giữa và cuối mùa hạ?
 A. Gió tây nam và gió mùa Tây Nam. B. Gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.
 C. Dải hội tụ nhiệt đới và Tín phong bán cầu Bắc. D. Tín phong bán cầu Bắc và gió tây nam.
- Câu 74: Xu hướng đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm công nghiệp nước ta nhằm mục đích nào sau đây là chủ yếu?
 A. Đáp ứng yêu cầu thị trường và tăng hiệu quả đầu tư.
 B. Phù hợp với xu thế hội nhập và tăng cường xuất khẩu.
 C. Giải quyết nhiều việc làm và nâng cao trình độ lao động.
 D. Tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu, tiết kiệm năng lượng.
- Câu 75: Thuận lợi nào sau đây là chủ yếu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở nước ta?
 A. Diện tích đất phù sa lớn, nguồn nước dồi dào. B. Mạng lưới sông ngòi dày, địa hình bị cắt xẻ nhiều.
 C. Khí hậu nóng ẩm, nhiều loại đất khác nhau. D. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích, sinh vật đa dạng.
- Câu 76: Để giải quyết vấn đề việc làm ở nông thôn nước ta hiện nay cần áp dụng các biện pháp chủ yếu nào sau đây?
 A. Đa dạng các loại hình đào tạo, nâng cao trình độ dân trí, xuất khẩu lao động.
 B. Thực hiện chính sách dân số, đẩy mạnh đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới.
 C. Phát triển ngành chăn nuôi, mở rộng trồng trọt và nhiều loại hình trang trại.
 D. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, đa dạng hóa các hoạt động sản xuất và dịch vụ.
- Câu 77: Nước ta đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?
 A. Giải quyết nhiều việc làm, tăng nguồn thu nhập cho người lao động.
 B. Tăng hiệu quả sản xuất, tạo nguồn hàng xuất khẩu, thu nhiều lợi nhuận.
 C. Tận dụng mặt nước, các bãi triều, đầm phá, các cánh rừng ngập mặn.
 D. Phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước, đa dạng hóa nguồn thực phẩm.
- Câu 78: Tỷ lệ dân thành thị ở nước ta còn thấp do nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu?
 A. Mạng lưới đô thị thưa thớt, hạ tầng hạn chế. B. Dân số đông, truyền thống làm nông nghiệp.
 C. Phần lớn nguồn lao động chưa qua đào tạo. D. Công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra chậm.
- Câu 79: Phần lớn địa hình nước ta là nhiều đồi núi do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?
 A. Các hoạt động xâm thực xảy ra thường xuyên với cường độ mạnh.
 B. Tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với lượng bức xạ lớn.
 C. Các quá trình ngoại lực diễn ra mạnh trong thời gian lâu dài.
 D. Lịch sử hình thành lãnh thổ trải qua nhiều vận động kiến tạo.
- Câu 80: Mùa mưa ở đồng bằng Bắc Bộ chịu tác động chủ yếu của nhân tố nào sau đây?
 A. Gió mùa Đông Bắc và Tín phong Bắc bán cầu. B. Dải hội tụ nhiệt đới và gió mùa Đông Bắc.
 C. Tín phong Bắc bán cầu và gió mùa Đông Nam. D. Gió mùa Đông Nam và dải hội tụ nhiệt đới.

HẾT

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.